

ĐỜI SỐNG TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO CỦA CÁC TỘC NGƯỜI Ở TÂY NGUYÊN HIỆN NAY MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

ĐỖ LAN HIỀN *

Hiện nay ở Tây Nguyên có khoảng 12 tộc người thiểu số sinh sống¹, trong đó có 3 tộc người có số dân đông nhất là Gia Rai, Ba Na, Ê Đê; văn hoá truyền thống của 3 tộc người này cũng phong phú, điển hình và tạo nên bản sắc riêng cho văn hoá vùng Tây Nguyên.

Các tộc người ở Tây Nguyên (điển hình như người Gia Rai, Ba Na, Ê Đê) sinh sống chủ yếu nhờ trồng rẫy, và nuôi thêm trâu, bò, dê, lợn, gà. Phụ nữ trong gia đình dệt vải để may quần áo và làm các đồ gia dụng khác. Đàn ông đan chiếu, lưới, các loại gùi, giỏ, mùng... Vật dụng, hàng hoá làm ra chủ yếu để sử dụng, mô hình kinh tế săn bắn, hái lượm vẫn tồn tại và là những công việc phổ biến của họ. Người Tây Nguyên sống thành từng làng (còn gọi là Bôn/Buôn) theo quan hệ huyết thống và tộc người. Trong làng, bản thì già làng, trưởng bản cùng các bô lão có uy tín giữ vai trò điều hành mọi sinh hoạt tập thể, người dân đều nghe và làm theo họ. Mỗi làng có một nhà Rông là nơi tiến hành các nghi lễ phong tục của cộng đồng, là nơi dân làng hội họp, thanh niên chưa vợ và trai góa vợ ngủ đêm, nơi tiếp khách lạ vào làng. Các tộc người ở Tây Nguyên đều có chung tập quán ở nhà sàn, nhiều thế hệ sống trong một ngôi *Nhà Dài*², mở cửa chính nhìn về hướng Bắc.

Một số tộc người ở Tây Nguyên như người Gia Rai, Ê Đê vẫn duy trì mô hình xã hội Mẫu hệ. Phụ nữ tự do lựa chọn người yêu và chủ động việc hôn nhân. Sau lễ cưới, người chồng về ở nhà vợ, không được thừa

* TS. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

¹ Tây Nguyên gồm 5 tỉnh (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng), với tổng diện tích 54.639 km² (chiếm khoảng 17% diện tích cả nước); dân số 5.107.437 người (Theo kết quả điều tra dân số 01/04/2009). Hiện nay, nếu tính cả những di dân tự do không đăng ký cư trú với cơ quan chính quyền, ước lượng dân số Tây Nguyên thực tế vào khoảng 5,5 đến 6 triệu người. Trong đó, đồng bào thiểu số tại chỗ gồm 12 dân tộc (Ba Na, Gia Rai, Ê đê, Cơ Ho, Mạ, Xê Đăng, Mơ Nông, Mông Rlâm, Xtiêng, Xơ Teng, Tơ Dră, Hrê) với khoảng 1,7 triệu người (chiếm gần 30% dân số toàn vùng).

² Hiện nay, một số tộc người ở Tây Nguyên như người Ba Na, đã cho phép các đôi trai gái mới cưới nhau hoặc sau khi có con đầu lòng được dựng nhà ở riêng, những ngôi *Nhà Dài* dần dần được thay thế bằng những ngôi nhà sàn ngắn, nhỏ, nhưng vẫn theo lối truyền thống.

kế tài sản, con cái sinh ra đều lấy họ mẹ. Tuy nhiên người đàn ông lại có quyền uy trong các nghi thức tôn giáo và có quyền sử dụng tài sản của gia đình và của người vợ để tiêu dùng trong việc thực hiện các nghi lễ đó. Đối với người Tây Nguyên, tất cả những gì được xem là “giàu có” và “quyền thế” đều thuộc về lĩnh vực thần linh (tôn giáo) hơn là trần thế. Do đó, xét về thực chất, người đàn ông vẫn có quyền hành hơn, người phụ nữ chỉ có quyền làm chủ trong phạm vi gia đình mà thôi.

Nói đến bản sắc văn hoá của các tộc người ở Tây Nguyên, còn phải kể đến những trường ca, truyện cổ và những nhạc cụ truyền thống như cồng, chiêng, đàn T'rưng, Krông pút, kơ ni,... Những nhạc cụ này được người Tây Nguyên “trưng diện” trong những ngày lễ hội của làng hay gia đình.

Hiện tại, ở Tây Nguyên có 4 tôn giáo chính là: Phật giáo, Cao Đài, Công giáo, Tin Lành. So với Công giáo và Phật giáo, đạo Tin Lành là tôn giáo du nhập vào Việt Nam muộn hơn và chủ yếu thâm nhập, phát triển trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

Ngoài các tôn giáo có tổ chức nêu trên, đồng bào Tây Nguyên vẫn duy trì những nghi lễ mang màu sắc tôn giáo liên quan đến phong tục, tập quán truyền thống của họ, mà chúng ta gọi là tín ngưỡng dân gian hay hình thái tôn giáo nguyên thủy (sơ khai). Tín ngưỡng dân gian đã tồn tại phổ biến trong các tộc người ở thời kỳ xã hội thị tộc, bộ lạc. Nó đáp ứng nhu cầu tâm linh của con người, nên vẫn được bảo lưu cho đến tận ngày nay cho dù đã xuất hiện các tôn giáo lớn, như Phật giáo, Công giáo, Hồi giáo. Dấu vết của tín ngưỡng dân gian đa thần vẫn còn lưu giữ đậm nét trong đời sống tâm linh, tôn giáo các tộc người Tày, Thái, Hmông, Dao, Sán Dìu, Ngái, Chăm, Ê Đê, Gia Rai, Môn, Khơ me... ở Việt Nam hiện nay.

Trong hệ thống tín ngưỡng dân gian của hầu hết các tộc người ở Tây Nguyên, tín ngưỡng về *Linh hồn* là loại hình tín ngưỡng được bảo lưu một cách rõ nét nhất, nổi trội nhất, đan xen, pha trộn với các tín ngưỡng *Vật linh*, *Ma thuật*, trở thành thứ tôn giáo cơ bản của người Tây Nguyên. Thông qua các nghi lễ tôn giáo của các tộc người ở Tây Nguyên, có thể dễ thấy rằng, đặc trưng tâm thức tôn giáo của họ mang nặng tính huyền ảo, và lối tham chiếu nhân tính trong quan hệ người - vật (người Tây Nguyên quan niệm, mọi vật đều có linh hồn như con người), nên họ đã thờ rất nhiều loại thần linh. Chính vì vậy, đối tượng thờ cúng trong các loại hình tín ngưỡng dân gian của Tây Nguyên là đa thần.

Các nghi lễ, phong tục của người Tây Nguyên hình thành trên nền tảng của đời sống kinh tế nông nghiệp. Do đó, những lễ nghi tôn giáo điển hình

và gắn bó nhất của người Tây Nguyên đều liên quan đến đời sống sản xuất nông nghiệp, như lễ cúng hồn lúa, lễ cơm mới, lễ mẹ lúa... Tiếp đến là những lễ nghi liên quan đến vòng đời của một con người, như lễ cầu sinh đẻ và nuôi con, lễ đặt tên, lễ xả xui, lễ cầu sức khỏe, lễ trưởng thành, lễ cưới hỏi, lễ cầu an, lễ mừng thọ, lễ tang ma, lễ bỏ mả vv...

Mặc dù các nghi lễ tôn giáo kể trên được tổ chức trong phạm vi không gian nhỏ hẹp là một làng (bôn), nhưng mỗi một tộc người lại có những nghi lễ, cách thức tổ chức riêng biệt, khác nhau; đối tượng thờ cúng hay chủ thể của nghi lễ có thể chỉ là một cá nhân cụ thể nào đó (như lễ đặt tên, lễ bỏ mả); người tham dự nghi lễ cũng có thể giới hạn và có điều kiện nhất định, vv... Song, những nghi lễ tôn giáo của các tộc người Tây nguyên vẫn chứa đựng tinh thần cộng đồng sâu sắc, vì trong khi thực hiện các nghi lễ đó, mỗi người Tây Nguyên đều thể hiện trách nhiệm, sự gắn bó và ý thức về tính tộc người của họ đối với cộng đồng, và cũng tự khẳng định sự hiện diện, vị thế, uy quyền của mình trong cộng đồng.

Chúng ta biết rằng, phong tục, tập quán, nghi lễ, tín ngưỡng, tôn giáo phản ánh những nét riêng biệt, bản sắc văn hoá của mỗi tộc người. Bản sắc đó, không phải là cái có sẵn, bất di bất dịch, mà nó được hình thành dần dần trong quá trình lịch sử. Khi đã thành hình, nó gắn liền với đời sống của con người từ thế hệ này qua thế hệ khác, rồi người ta quen với sự hiện hữu của nó, giữ gìn nó, “đóng khung” nó, biến nó thành cái bất biến. Mặc dù vậy, phong tục, tập quán hay tín ngưỡng, tôn giáo luôn phải đổi mới với sự thay đổi của xã hội, nên dù có được đóng khung, giữ gìn đến mấy, thì “bộ mặt” của nó cũng ít nhiều bị thay đổi. Trong sự thay đổi đó, có cái được lưu giữ, bảo toàn, có cái biến mất hay méo mó, lai ghép đến độ “giải thể” truyền thống, đánh mất bản sắc và cá tính tộc người. Phong tục, tập quán, nghi lễ, tín ngưỡng, tôn giáo của các tộc người Tây Nguyên cũng trong tình trạng như vậy. Nó đã tạo nên những nét độc đáo, phong phú cho văn hoá vùng Tây Nguyên nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung. Tuy nhiên hiện nay đang có xu hướng mai một, chắp vá, mất gốc. Một số nguyên nhân làm thay đổi nét văn hóa truyền thống của đồng bào Tây Nguyên như sau:

Thứ nhất, rừng và đất đai ở Tây Nguyên đang bị xâm hại và mất dần do khai thác tài nguyên thiên nhiên, do xây dựng các dự án, công trường, nhà máy, đô thị. Người Tây Nguyên sống gắn bó với rừng, mất rừng tức là mất môi trường sống thiên nhiên quen thuộc của họ, tất yếu sẽ gây ra những xáo trộn trong đời sống xã hội, văn hóa của người Tây Nguyên.

Mất rừng, người Tây Nguyên phải di cư tìm môi trường sống thiên nhiên mới. Mười năm trở lại đây, diễn ra sự di dân một cách tự phát, không tính toán và có kế hoạch chu đáo đã dẫn đến việc phá hỏng hoặc thay đổi cơ cấu buôn, làng (phum, sóc) cổ truyền của người Tây Nguyên, gây đảo lộn về dân cư, về địa bàn cư trú của các tộc người, kéo theo áp lực về dân số. Các tộc người khác nhau sống xen kẽ, tạo nên sự giao lưu sống động, sự học hỏi, khiến các tộc người cũng xích lại gần nhau hơn, nhưng đồng thời cũng nảy sinh những khác biệt về tập tục, những đối lập về lợi ích, thậm chí xung đột, ly khai hoặc đồng hoá sắc tộc.

Thứ hai, mô hình kinh tế vùng Tây Nguyên chuyển đổi từ lối canh tác nương rẫy trồng lúa và hoa màu theo phương thức đa canh, xen canh, gỏi canh cổ truyền sang chuyên canh cây công nghiệp dài ngày làm cho những nghi lễ cúng cơm mới, mẹ lúa... bị mai một hoặc biến mất hoàn toàn.

Thứ ba, việc tuyên truyền, giáo dục, định hướng đồng bào thay đổi tập tục, nghi lễ nặng theo hướng “Kinh hóa”, hiện đại hóa làm cho một số phong tục điển hình nhất của người Tây Nguyên như tục Bỏ mả, tục làm Nhà mồ đang có xu hướng chuyển sang thứ văn hoá “bê tông hoá” nhà mồ. Nhà mồ Tây Nguyên chỉ còn là những hoài niệm hay mô hình lưu giữ trong Viện Bảo tàng Dân tộc học ở Hà Nội. Điều đó đồng nghĩa với việc bỏ quên và chôn vùi những ý nghĩa, triết lý nhân sinh và vũ trụ luận³ tinh tế của người Tây Nguyên ẩn chứa trong những phong tục đó. Thêm nữa, hệ thống tín ngưỡng một khi bị mai một hoặc bổ sung, lai tạo một cách thụ động, gượng ép, sẽ làm cho hướng “chuyển” của văn hoá tâm linh diễn ra không tự nhiên, lựa chọn hay thích ứng, mà nhiều khi mang nặng tính đồng hoá, hoà tan.

³ Người Tây Nguyên xưa đặt trong nhà mồ những vật dụng được đeo bằng gỗ như voi, chó, trâu, bò, lợn, gà vì cho rằng linh hồn người chết vẫn sống cuộc sống như người bình thường. Xung quanh nhà mồ, người Tây Nguyên còn đặt những tượng gỗ hình hài nhi, hình phụ nữ bụng mang dạ chửa hoặc từng cặp nam nữ trong trạng thái đang giao cấu hay “khoe” sinh thực khí (Linga, Yoni) - là những biểu tượng của tín ngưỡng Phồn thực. Do đó, nhà mồ Tây Nguyên phản ánh khát vọng bất tử của con người, khát vọng cầu mong sự sinh sôi, nảy nở và tái sinh lại sự sống.

Ngoài ra, những tượng gỗ quanh nhà mồ Tây Nguyên tuy được đeo gọt một cách vụng về, thô ráp, nhưng khi ngắm nhìn những bức tượng gỗ đó, chúng ta vẫn có thể cảm nhận thấy tâm hồn của người Tây Nguyên, vì họ đã thổi “linh hồn” vào những khúc gỗ vô tri, vô giác đó, làm cho chúng mang trạng thái tinh thần, nội tâm của con người. Ví dụ, quanh nhà mồ, người Tây Nguyên đặt những bức tượng người bằng gỗ (kẻ đứng, người ngồi) mà khuôn mặt đượm vẻ như đang khóc tiếc thương người chết hoặc đang đau đớn, tiếc nuối tội lỗi đối với người chết.

Thứ tư, về mặt tâm lý, khi đời sống tâm linh, tôn giáo bị thay đổi dễ khiến người Tây Nguyên cảm thấy khủng hoảng và thiếu hụt; họ phải tìm cái khác để khóa lấp, thay thế, bù đắp dẫn đến hiện tượng bỏ phong tục truyền thống, xa rời gốc gác của mình để theo các tôn giáo mới lạ làm cho đời sống tâm linh, tôn giáo vùng Tây Nguyên trở nên phức tạp, khó lường trước những diễn biến của nó.

Để bảo tồn được cái độc đáo (bản sắc) riêng, làm cho đời sống tinh thần, tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào ngày một tiến bộ hơn, duy vật hơn, phù hợp với xã hội đương đại, trước hết, thay đổi mô hình kinh tế là tất yếu. Thay đổi mô hình kinh tế, mục đích là để đời sống vật chất của đồng bào ngày càng no đủ hơn, sung túc hơn, nhưng đừng đánh mất tâm thức giữ rừng, bảo vệ rừng của họ; nếu không, sự thay đổi đó là không bền vững, sự phát triển kinh tế đó là tăng trưởng âm và phá hỏng văn hoá; Thứ hai, chúng ta phải rà soát lại toàn bộ các nghi lễ, phong tục, tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên nói riêng, cũng như của các tộc người thiểu số khác sống rải rác khắp các vùng miền của Việt Nam nói chung. Sau đó, hướng dẫn, giáo dục, khuyên răn bà con để họ nhận thức ra được những tập tục, lễ hội nào rườm rà, tốn kém, khiến họ phải lao động quanh năm suốt tháng mới đủ chi phí thực hiện, những tập tục nào quá lỗi thời, hủ bại, dị đoan⁴, thì cần loại bỏ. Những lễ hội nào là cái riêng, cái độc đáo, thì cần bảo vệ, giữ gìn, khôi phục.

Tuy nhiên, một số lễ hội của đồng bào Tây Nguyên tuy rất tốn kém về thời gian và tiền bạc (như Lễ hội đâm trâu⁵), nhưng đối với người Tây Nguyên, con trâu là biểu tượng cho sự thịnh vượng và sức mạnh của cộng đồng. Vì vậy, trâu thường được đồng bào sử dụng làm vật tế thần linh. Đâm trâu là lễ tế long trọng nhất trong tất cả các nghi lễ của người Tây Nguyên, khơi dậy niềm kiêu hãnh, tự tin của cộng đồng hay thậm chí còn để xua đuổi tà thần đến quấy nhiễu dân làng như thiên tai, dịch bệnh. Lễ hội đâm trâu thường được tổ chức vào các dịp như: ăn mừng chiến thắng, tạ lễ, cầu an, khánh thành nhà Rông của làng, ... Có nhiều gia đình giàu có cũng tổ chức lễ hội đâm trâu để phô trương thế lực và

⁴ Những tập tục như: chôn sống trẻ sơ sinh theo mẹ nếu người mẹ sinh nở không may bị chết, tập tục rời làng đi nơi khác nếu làng đó có người chết đột tử, chết trẻ, chết dữ, hay tục ma lai của người Xtiêng (đối với người Xtiêng, những người nào bị tình nghi là ma quỷ nhập vào (âm) sẽ bị cộng đồng trói lại, đem vào rừng, đào hố chôn sống) v.v...

⁵ Để tổ chức Lễ hội đâm trâu, bà con phải chuẩn bị 1 con trâu đực, 3 đến 4 con bò, 5 đến 7 con heo, hàng chục con gà, hàng trăm chum rượu, mấy chục gùi gạo. Lễ hội được tổ chức trong 3 ngày, và còn mời khách ở các buôn làng xung quanh đến chung vui.

nâng cao uy tín trong cộng đồng. Song, dù ở qui mô gia đình, dòng họ hay buôn làng thì lễ hội đâm trâu vẫn luôn luôn là một hoạt động văn hóa đặc sắc và tạo nên sắc thái riêng của nền văn minh lúa nước của người Việt cổ nói chung và của các tộc người Tây Nguyên nói riêng. Do vậy, đối với những lễ hội đó, chúng ta vẫn nên duy trì, không nên xóa bỏ hay vận động xóa bỏ.

Cần cân nhắc, xem xét kỹ đến ý nghĩa của từng lễ hội trong việc giáo dục, định hướng đồng bào thay đổi tập tục, nghi lễ. Không nhất thiết, cứ nghi lễ nào, tập tục nào tốn kém về thời gian, tiền bạc hoặc mang đậm màu sắc tâm linh, thì cần phải loại bỏ hết một cách máy móc.

Cuộc sống phát triển theo hướng văn minh, hiện đại, điều quan trọng là từng bước nâng cao trình độ dân trí của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và ở mọi miền đất nước; đồng thời kiên trì giáo dục, nâng cao nhận thức của đồng bào trong việc lưu giữ các lễ hội văn hóa truyền thống tiến bộ, hữu ích.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Từ Chi (2003), *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb.Văn hóa dân tộc, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội,
2. Viện Nghiên cứu văn hóa (2006), *Nghi lễ và phong tục các tộc người ở Tây Nguyên*, Nxb.Khoa học xã hội.
3. Phan Hữu Dật (2001). *Mấy vấn đề lý luận cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay*, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Trương Minh Dục (2008), *Xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên*, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Trung tâm khoa học xã hội và Nhân văn (2002), *Một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội buôn làng các dân tộc Tây Nguyên*, Nxb.Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Trần Văn Bình (chủ biên) (2004), *Văn hóa các tộc người Tây Nguyên - Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb.Khoa học Xã hội. Hà Nội.
7. Mạc Đường (1986), *Một số vấn đề kinh tế - xã hội Tây Nguyên*, Nxb.Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Hồng Sơn (chủ biên) (1996), *Giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân gian Tây Nguyên*, Nxb.Văn hoá - thông tin, Hà Nội.